**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 2 NH :2019-2020**

**BÀI 6. CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN**

**Câu 1.** Công an bắt giam người vì nghi ngờ lấy trộm xe máy là vi phạm quyền?

1. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân
2. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân
3. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân
4. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

**Câu 2**. Đi xe máy vượt đèn đỏ gây thương tích cho người khác là vi phạm quyền?

1. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân
2. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân
3. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân
4. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

**Câu 3.** Giam giữ người quá thời hạn qui định là vi phạm quyền?

1. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân
2. Được pháp luật bảo hộ về điện thư tín, thoại điện tín của công dân
3. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ nhân phẩm danh dự của công dân
4. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

**Câu 4.** Xúc phạm người khác trước mặt nhiều người là vi phạm quyền

1. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân
2. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân
3. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân
4. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

**Câu 5.** Tự tiện khám chỗ ở của công dân là vi phạm quyền

1. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân
2. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân
3. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân
4. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

**Câu 6.** Do mâu thuẫn, cãi vã to tiếng rồi chửi nhau, học sinh A nóng giận mất bình tĩnh nên đã ném bình hoa ở lớp vào mặt học sinh B. Học sinh B tránh được nên bình hoa trúng vào đầu học sinh C đang đứng ngoài lên tiếng bênh vực học sinh A.

Hành vi của học sinh A đã vi phạm quyền gì đối với học sinh B

1. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân
2. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân
3. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân
4. Không vi phạm gì.

**Câu 7.** "Những người làm nhiệm vụ chuyển thư, điện tín không được giao nhầm cho người khác, không được để mất thư, điện tín của nhân dân." là một nội dung thuộc

1. Bình đẳng về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
2. Ý nghĩa về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
3. Nội dung về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
4. Khái niệm về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện

**Câu 8.** "Việc kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được thực hiện trong trường hợp pháp luật có qui định và phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền." là một nội dung thuộc

1. Bình đẳng về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
2. Ý nghĩa về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
3. Nội dung về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
4. Khái niệm về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín

**Câu 9.** "Công dân có quyền tự do phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước." là một nội dung thuộc

1. Bình đẳng về quyền tự do ngôn luận
2. Ý nghĩa về quyền tự do ngôn luận
3. Nội dung về quyền tự do ngôn luận
4. Khái niệm về quyền tự do ngôn luận

**Câu 10.** "Công dân có thể trực tiếp phát biểu ý kiến nhằm xây dựng cơ quan, trường học, địa phương mình trong các cuộc họp." là một nội dung thuộc

1. Bình đẳng về quyền tự do ngôn luận
2. Ý nghĩa về quyền tự do ngôn luận
3. Nội dung về quyền tự do ngôn luận
4. Khái niệm về quyền tự do ngôn luận

**Câu 11.** "Quyền tự do ngôn luận là chuẩn mực của một xã hội mà trong đó nhân dân có tự do, dân chủ, có quyền lực thực sự." là một nội dung thuộc

1. Bình đẳng về quyền tự do ngôn luận
2. Ý nghĩa về quyền tự do ngôn luận
3. Nội dung về quyền tự do ngôn luận
4. Khái niệm về quyền tự do ngôn luận

**Câu 12.** "Công dân có quyền đóng góp ý kiến, kiến nghị với các đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân về những vấn đề mình quan tâm." là một nội dung thuộc

1. Bình đẳng về quyền tự do ngôn luận
2. Ý nghĩa về quyền tự do ngôn luận
3. Nội dung về quyền tự do ngôn luận
4. Khái niệm về quyền tự do ngôn luận

**Câu 13.** Xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật bảo đảm cho công dân được hưởng đầy đủ các quyền tự do cơ bản là trách nhiệm của

A. Nhân dân. B. Công dân

C. Nhà nước. D. Lãnh đạo địa phương

**Câu 14.** Tổ chức và xây dựng bộ máy các cơ quan bảo vệ pháp luật để bảo vệ các quyền tự do cơ bản của công dân là trách nhiệm của

A. Nhân dân. B. Công dân

C. Nhà nước. D. Lãnh đạo nhà nước

**Câu 15.** Phải học tập tìm hiểu nội dung các quyền tự do cơ bản để phân biệt hành vi đúng pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật là trách nhiệm của

A. Nhân dân. B. Công dân

C. Nhà nước. D. Lãnh đạo nhà nước

**Câu 16.** Có trách nhiệm phê phán, đấu tranh, tố cáo những việc làm trái pháp luật, vi phạm quyền tự do cơ bản của công dân là trách nhiệm của

A. Nhân dân. B. Công dân

C. Nhà nước. D. Lãnh đạo nhà nước

**Câu 17.** Chọn nhận định đúng về quyền bất khả xâm phạm về thân thể

1. Trong mọi trường hợp, không ai có thể bị bắt
2. Công an có thể bắt người nếu nghi là phạm tội
3. Trong mọi trường hợp, chỉ được bắt người khi có quyết định của toà án
4. Chỉ được bắt ngưòi khi có lệnh bắt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trừ trường hợp phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã

**Câu 18.** Chọn nhận định đúng về quyền bất khả xâm phạm về thân thể

1. Công an có thể bắt người vi phạm pháp luật
2. Chỉ được bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang
3. Trong mọi trường hợp, chỉ được bắt người khi có lệnh bắt của Toà án hoặc của Viện kiểm soát
4. Ai cũng có quyền bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã

**Câu 19.** Đặt điều nói xấu người khác là vi phạm quyền

1. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân
2. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân
3. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân
4. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

**Câu 20.** Đánh người gây thương tích là vi phạm quyền

1. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân
2. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân
3. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân
4. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

**Câu 21.** Các quyền tự do cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp và Luật qui định mối quan hệ cơ bản giữa

1. Công dân với pháp luật
2. Nhà nước với pháp luật
3. Nhà nước với công dân
4. Công dân với Nhà nước và pháp luật

**Câu 22.** Quyền bất khả xâm phạm được ghi nhận tại điều 20 Hiến pháp 2013 là

A. Quyền tự do nhất. B. Quyền tự do cơ bản nhất

C. Quyền tự do quan trọng nhất. D. Quyền tự do cần thiết nhất

Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể nghĩa là, không ai ....(23)... nếu không có

...(24)... của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của ...(25)..., trừ trường hợp ...(26)...

**Câu 23.**

A. Bị khởi tố. B. Bị xét xử. C. Bị bắt. D. Bị truy tố

**Câu 24.**

A. Quyết định. B. Phê chuẩn. C. Lệnh truy nã. D. Lệnh bắt

**Câu 25.**

1. Cơ quan Cảnh sát điều tra
2. Viện kiểm sát
3. Toà án nhân dân tối cao
4. Toà án hình sự

**Câu 26.**

1. Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng
2. Phạm tội rất nghiêm trọng
3. Đang bị truy nã
4. Phạm tội quả tang

**Câu 27.** Nhận định nào sau đây sai?

1. Tự tiện bắt và giam giữ người là hành vi trái pháp luật
2. Bắt và giam giữ người trái pháp luật là xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân
3. Không ai được bắt và giam giữ người
4. Bắt và giam giữ người trái phép sẽ bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật

Trường hợp về bắt, giam, giữ người:...(28)... trong phạm vi thẩm quyền theo qui định pháp luật có quyền ra lệnh bắt...(29)... để tạm giam khi có căn cứ họ sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội.

**Câu 28**

1. Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát
2. Uỷ ban nhân dân, Toà án
3. Cảnh sát điều tra, Uỷ ban nhân dân
4. Viện kiểm sát, Toà án

**Câu 29.**

1. Người phạm tội quả tang
2. Bị can, bị cáo
3. Người bị truy nã
4. Người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng

**Câu 30.** Trường hợp bắt người khẩn cấp tiến hành khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị

1. Thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng
2. Thực hiện tội phạm nghiêm trọng
3. Thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng
4. Thực hiện tội phạm

**Câu 31.** Nhận định nào sau đây đúng?

Khi có người ................là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần bắt ngay để người đó không trốn được

A. Chính mắt trông thấy. B. Xác nhận đúng

C. Chứng kiến nói lại. D. Tất cả đều sai

**Câu 32.** Nhận định nào sai? Phạm tội quả tang là người

1. Đang thực hiện tội phạm
2. Ngay sau khi thực hiện tội phạm thí bị phát hiện
3. Ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị đuổi bắt
4. Ý kiến khác

**Câu 33.** Ai cũng có quyền bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã và giải ngay đến cơ quan

1. Công an
2. Viện kiểm sát
3. Uỷ ban nhân dân gần nhất
4. Tất cả mọi công dân.

**Câu 34.** "Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là một trong những quyền tự do cá nhân quan trọng nhất, liên quan đến quyền được sống trong tự do của con người, liên quan đến hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong mối quan hệ với công dân." là một nội dung thuộc

1. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
2. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
3. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
4. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân

**Câu 35.** "Tự tiện bắt và giam, giữ người là hành vi trái pháp luật sẽ bị xử lý nghiêm minh." là một nội dung thuộc

1. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
2. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
3. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
4. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân

**Câu 36.** "Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang." là một nội dung thuộc

1. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
2. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
3. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
4. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân

**Câu 37.** "Pháp luật qui định rõ các trường hợp và cơ quan thẩm quyền bắt, giam, giữ người." là một nội dung thuộc

1. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
2. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
3. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
4. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân

**Câu 38.** "Pháp luật qui định về quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân nhằm ngăn chặn mọi hành vi tuỳ tiện bắt giữ người trái với qui định của pháp luật." là một nội dung thuộc

1. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
2. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
3. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
4. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân

**Câu 39.** "Trên cơ sở pháp luật, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải tôn trọng và bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể của cá nhân, coi đó là quyền bảo vệ con người – quyền công dân trong một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh." là một nội dung thuộc

1. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
2. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
3. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân
4. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân

**Câu 40.** "Tính mạng và sức khoẻ của con người được bảo đảm an toàn, không ai có quyền xâm phạm tới." là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
2. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
3. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
4. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm

**Câu 41.** "Công dân có quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm." là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
2. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
3. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
4. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm

**Câu 42.** "Không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm của người khác." là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
2. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
3. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
4. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm

**Câu 43.** "Danh dự và nhân phẩm của cá nhân được tôn trọng và bảo vệ." là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
2. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
3. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
4. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm

**Câu 44. “**Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm là quyền tự do thân thể và phẩm giá con người." là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
2. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
3. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
4. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm

**Câu 45.** Quyền tự do về thân thể và tinh thần thực chất là :

1. Quyền được pháp luật bảo hộ sức khỏe và tính mạng
2. Quyền được pháp luật bảo hộ nhân phẩm và danh dự
3. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể
4. Quyền được sống và được làm người với tư cách là thành viên của xã hội

**Câu 46.** Trong lúc H đang bận việc riêng thì điện thoại có tin nhắn, T đã tự ý mở điện thoại của H ra đọc tin nhắn. Hành vi này của T đã xâm phạm đến quyền nào dưới đây?

1. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự của công dân.
2. Quyền tự do dân chủ của công dân.
3. Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại của công dân.
4. Quyền tự do ngôn luận của công dân.

**Câu 47.** B và T là bạn thân, học cùng lớp với nhau. Khi giữa hai người nảy sinh mâu thuẫn, T đã tung tin xấu, bịa đặt về B trên facebook. Nếu là bạn học cùng lớp của T và B, em sẽ lựa chọn cách ứng xử nào sau đây cho phù hợp với quy định của pháp luật?

1. Coi như không biết vì đây là việc riêng của T.
2. Khuyên T gỡ bỏ tin vì đã xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác.
3. Khuyên B nói xấu lại T trên facebook.
4. Chia sẻ thông tin đó trên facebook

**Câu 48.** "Không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm của người khác." là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
2. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
3. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
4. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm

**Câu 49.** "Danh dự và nhân phẩm của cá nhân được tôn trọng và bảo vệ." là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
2. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
3. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm
4. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm

**Câu 50.** Trong thời gian gần đây, trên mạng xã hội facebook xuất hiện những clip nhiều nữ sinh đánh bạn học, làm tổn hại nghiêm trọng đến tâm sinh lí của người bị hại là vi phạm nội dung của

1. quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân
2. quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, tính mạng, danh dự và nhân phẩm của công dân
3. quyền đươc bảo vệ sức khỏe, tính mạng, danh dự và nhân phẩm của công dân
4. quyền được pháp luật quan tâm về sức khỏe, tính mạng, danh dự và nhân phẩm của công dân

**BÀI 7. CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN DÂN CHỦ**

**Câu 1.** "Hình thức dân chủ với những qui chế, thiết chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết tham gia trực tiếp quyết định công việc của cộng đồng, của Nhà nước." là

A. Hình thức dân chủ trực tiếp. B. Hình thức dân chủ gián tiếp

C. Hình thức dân chủ tập trung. D. Hình thức dân chủ xã hội chủ nghĩa

**Câu 2.** Anh A đề nghị thủ trưởng cơ quan xem xét lại quyết định cho thôi việc của mình. Ta nói anh A đang thực hiện quyền gì?

A. Quyền tố cáo B. Quyền ứng cử

C. Quyền bãi nại. D. Quyền khiếu nại

**Câu 3.** “.... là quyền của công dân được báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào”.

A. Quyền khiếu nại B. Quyền bầu cử

C. Quyền tố cáo. D. Quyền góp ý

"Quyền bầu cử và quyền ứng cử là các quyền dân chủ cơ bản của công dân trong lĩnh vực ......(4)......, thông qua đó, nhân dân thực thi hình thức ......(5)...... ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước."

**Câu 4.**

A. Xã hội. B. Chính trị. C. Kinh tế. D. Văn hoá

**Câu 5.**

A. dân chủ trực tiếp. B. dân chủ gián tiếp

C. dân chủ tập trung. D. dân chủ xã hội chủ nghĩa

**Câu 6.** Ngày 22/5/2011, Việt Nam tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Công dân nào dưới đây đủ điều kiện được ứng cử khi có ngày sinh là

A. 21/5/1990 B. 21/4/1991 C. 21/5/1994. D. 21/5/1993

**Câu 7.** Hiến pháp 2013 qui định mọi công dân

1. Đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử
2. Đủ 21 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử
3. Từ 18 đến 21 tuổi có quyền bầu cử và ứng cử
4. Từ Đủ 18 tuổi có quyền bầu cử, đủ 21 tuổi có quyền ứng cử

**Câu 9.** Nhận định nào sai: Dân được hưởng quyền bầu cử và ứng cử một cách bình đẳng, không phân biệt

1. Giới tính, dân tộc, tôn giáo.
2. Tình trạng pháp lý
3. Trình độ văn hoá, nghề nghiệp.
4. Thời hạn cư trú nơi thực hiện quyền bầu cử, ứng cử

**Câu 10.** Nhận định nào sai: Khi xác định người không được thực hiện quyền ứng cử

1. Người bị khởi tố dân sự
2. Người đang chấp hành quyết định hình sự của Toà án
3. Ngưòi đang bị xử lý hành chính về giáo dục tại địa phương
4. Người đã chấp hành xong bản án hình sự nhưng chưa được xoá án

**Câu 11.** Công dân A tham gia góp ý vào dự thảo luật khi Nhà nước trưng cầu dân ý, ta gọi công dân A đã thực hiện quyền dân chủ nào?

1. Quyền ứng cử C. Quyền kiểm tra, giám sát
2. Quyền đóng góp ý kiến. D. Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội

**Câu 12.** Mục đích của quyền khiếu nại là nhằm ...... quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

A. phục hồi B. bù đắp. C. chia sẻ D. khôi phục

**Câu 13.** Mục đích của quyền tố cáo nhằm .......các việc làm trái pháp luật, xâm hại đến lợi ích của nhà nước, tổ chức và công dân.

A. phát hiện, ngăn ngừa B. phát sinh

C. Phát triển, ngăn chặn D. phát hiện, ngăn chặn

**Câu 14.** Nhận định nào sai: Khi xác định người không được thực hiện quyền bầu cử

1. Người đang bị quản thúc
2. Người đang bị tạm giam
3. Người bị tước quyền bầu cử theo bản án của Toà án
4. Người mất năng lực hành vi dân sự

**Câu 15.** Nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc bầu cử

A. Phổ thông. B. Bình đẳng. C. Công khai. D. Trực tiếp

**Câu 16.** Quyền ứng cử của công dân có thể thực hiện bằng

A. 1 con đường duy nhất. B. 2 con đường

C. 3 con đường. D. 4 con đường

**Câu 17.** Trên cơ sở chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhân dân trực tiếp quyết định những công việc thiết thực, cụ thể gắn liền với quyền và nghĩa vụ nơi họ sinh sống là việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước ở

A. Phạm vi cả nước. B. Phạm vi cơ sở

C. Phạm vi địa phương. D. Phạm vi cơ sở và địa phương

**Câu 18.** Ở phạm vi cơ sở, chủ trương, chính sách pháp luật là

1. Những việc phải được thông báo để dân biết,bàn và thực hiện
2. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
3. Những việc dân đuợc thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
4. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

**Câu 19.** Ở phạm vi cơ sở, kiểm sát việc khiếu nại, tố cáo của công dân là

1. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
2. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
3. Những việc dân đuợc thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
4. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

**Câu 20.** Ở phạm vi cơ sở, các đề án định canh, định cư, giải phóng mặt bằng, tái định cư .... là

1. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
2. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
3. Những việc dân đuợc thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
4. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

**Câu 21.** Ở phạm vi cơ sở, chủ trương và mức đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi công cộng là

1. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
2. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
3. Những việc dân đuợc thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
4. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

**Câu 22.** Công dân có thể tham gia tích cực vào mọi lĩnh vực của quản lý nhà nước và xã hội là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
2. Nội dung quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
3. Khái niệm quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội

**Câu 23.** Nhân dân được thông tin đầy đủ về chính sách, pháp luật của Nhà nước là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
2. Nội dung quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
3. Khái niệm quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội

**Câu 24.** Qui định về người có quyền khiếu nại, tố cáo là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền khiếu nại, tố cáo
2. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo
3. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo

**Câu 25.** Quyền khiếu nại, tố cáo là quyền dân chủ cơ bản của công dân là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền khiếu nại, tố cáo
2. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo
3. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo

**Câu 26.** Qui định pháp luật về khiếu nại, tố cáo là cơ sở pháp lý để công dân thực hiện hiệu quả quyền công dân của mình là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền khiếu nại, tố cáo
2. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo
3. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo

**Câu 27.** "Nhà nước bảo đảm cho công dân thực hiện tốt quyền bầu cử và quyền ứng cử cũng chính là bảo đảm thực hiện quyền công dân, quyền con người trên thực tế." là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền bầu cử, ứng cử
2. Nội dung quyền bầu cử, ứng cử
3. Khái niệm quyền bầu cử, ứng cử
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền bầu cử, ứng cử

**Câu 28.** "Cách thức nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các đại biểu và cơ quan quyền lực nhà nước - cơ quan đại biểu nhân dân." là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền bầu cử, ứng cử
2. Nội dung quyền bầu cử, ứng cử
3. Khái niệm quyền bầu cử, ứng cử
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền bầu cử, ứng cử

**Câu 29.** "Quyền bầu cử và quyền ứng cử được thể hiện một cách khái quát là: Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân." là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền bầu cử, ứng cử
2. Nội dung quyền bầu cử, ứng cử
3. Khái niệm quyền bầu cử, ứng cử
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền bầu cử, ứng cử

**Câu 30.** "Qui định về người có quyền bầu cử và ứng cử vào cơ quan đại biểu của nhân dân" là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền bầu cử, ứng cử
2. Nội dung quyền bầu cử, ứng cử
3. Khái niệm quyền bầu cử, ứng cử
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền bầu cử, ứng cử

**Câu 31.** "Quyền bầu cử và ứng cử là cơ sở pháp lí – chính trị quan trọng để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình" là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền bầu cử, ứng cử
2. Nội dung quyền bầu cử, ứng cử
3. Khái niệm quyền bầu cử, ứng cử
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền bầu cử, ứng cử

**Câu 32.** Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội là quyền gắn liền với việc thực hiện

1. Hình thức dân chủ trực tiếp
2. Hình thức dân chủ gián tiếp
3. Hình thức dân chủ tập trung
4. Hình thức dân chủ xã hội chủ nghĩa

**Câu 33.** Tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật quan trọng, liên quan đến các quyền và lợi ích cơ bản của công dân là việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước ở

A. Phạm vi cả nước. B. Phạm vi cơ sở

C. Phạm vi địa phương. D. Phạm vi cơ sở và địa phương

**Câu 34.** Thảo luận và biểu quyết các các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân là việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước ở

A. Phạm vi cả nước. B. Phạm vi cơ sở

C. Phạm vi địa phương. D. Phạm vi cơ sở và địa phương

**Câu 35.** Ở phạm vi cơ sở, xây dựng hương ước, qui ước ... là

1. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
2. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
3. Những việc dân đuợc thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
4. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

**Câu 36.** Ở phạm vi cơ sở, kiểm sát dự toán và quyết toán ngân sách xã, phường là

1. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
2. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
3. Những việc dân đuợc thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
4. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

**Câu 38.** Ở phạm vi cơ sở, dự thảo qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của xã, phường là

1. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện
2. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp
3. Những việc dân đuợc thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định
4. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra

**Câu 39.** Trong quá trình thực hiện pháp luật nhân dân có quyền và trách nhiệm đóng góp ý kiến, phản ánh kịp thời với Nhà nước những vướng mắc, bất cập.... là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
2. Nội dung quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
3. Khái niệm quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội

**Câu 40.** Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội là cơ sở pháp lý quan trọng để nhân dân tham gia vào hoạt động của bộ máy nhà nước là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
2. Nội dung quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
3. Khái niệm quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội

**Câu 41.** Quyền công dân tham gia thảo luận vào công việc chung của đất nước là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
2. Nội dung quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
3. Khái niệm quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội

**Câu 42.** Quyền kiến nghị của công dân là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
2. Nội dung quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
3. Khái niệm quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội

**Câu 43.** Thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo, quyền công dân được đảm bảo, bộ máy nhà nước càng được củng cố là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền khiếu nại, tố cáo
2. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo
3. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo

**Câu 44.** Qui định người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo là một nội dung thuộc

1. Ý nghĩa quyền khiếu nại, tố cáo
2. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo
3. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo
4. Bình đẳng trong thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo

**Câu 45.** Quyền khiếu nại, tố cáo là công cụ để nhân dân thực hiện dân chủ là một nội dung thuộc

A.Ý nghĩa quyền khiếu nại, tố cáo

1. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo
2. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo
3. Bình đẳng trong thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo

**BÀI 8. PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG DÂN**

**Câu 1.** Quyền được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng của công dân thuộc nhóm quyền nào dưới đây?

A. Quyền được sáng tạo. B. Quyền được tham gia.

C. Quyền được phát triển. D. Quyền tác giả

**Câu 2.** Tác phẩm văn học do công dân tạo ra được pháp luật bảo hộ thuộc quyền nào dưới đây của công dân?

A. Quyền tác giả. B. Quyền sở hữu công nghiệp.

C. Quyền phát minh sáng chế. D. Quyền được phát triển.

**Câu 3.** Quan điểm nào dưới đây sai khi nói về quyền học tập của công dân?

1. Quyền học tập không hạn chế.
2. Quyền học bất cứ ngành, nghề nào.
3. Quyền học thường xuyên, học suốt đời.
4. Quyền học tập khi có sự đồng ý của các cơ quan có thẩm quyền.

**Câu 4.** Chính sách miễn giảm học phí của Nhà nước ta đã tạo điều kiện giúp đỡ nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn được học tập. Điều này thể hiện

A. công bằng xã hội trong giáo dục. B. bất bình đẳng trong giáo dục.

C. định hướng đổi mới giáo dục. D. chủ trương phát triển giáo dục.

**Câu 5.** Việc mở trường trung học phổ thông chuyên ở nước ta hiện nay nhằm:

A. bảo đảm tính nhân văn trong giáo dục. B. bảo đảm công bằng trong giáo dục.

C. đào tạo chuyên gia kỹ thuật cho đất nước. D. bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

**Câu 6.** Việc cộng điểm ưu tiên trong tuyển sinh đại học, cao đẳng cho học sinh là người dân tộc thiểu số đã thể hiện quyền bình đẳng về

A. điều kiện chăm sóc về thể chất. B. điều kiện học tập không hạn chế.

C. điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa. D. điều kiện hưởng thụ các giá trị văn hóa.

**Câu 7.** Quyền sáng tạo của công dân được pháp luật quy định là:

A. Quyền sở hữu công nghiệp. B. Quyền được tự do thông tin.

C. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí. D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 8.** Nội dung cơ bản của quyền học tập của công dân là:

1. Mọi công dân đều được ưu tiên trong tuyển chọn vào các trường đại học, cao đẳng như nhau.
2. Mọi công dân đều bình đẳng về cơ hội học tập.
3. Mọi công dân đều phải đóng học phí.
4. Tất cả các phương án trên.

**Câu 9.** Quyền phát triển của công dân được thể hiện ở mấy nội dung?

A. Một. B. Hai. C. Ba. D. Bốn

**Câu 10.** Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục là để

1. tạo điều kiện cho ai cũng được học hành
2. mọi công dân bình đẳng, nhưng phải có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền
3. ưu tiên cho các dân tộc thiểu số
4. ưu tiên tìm tòi nhân tài, góp phần phụng sự đất nước

**Câu 11.** Ý nào sau đây sai khi nói về quyền được phát triển của công dân?

1. Được sống trong môi trường xã hội và tự nhiên có lợi cho sự tồn tại và phát triển về mọi mặt
2. Có mức sống đầy đủ về vật chất
3. Được cung cấp thông tin và chăm sóc sức khỏe
4. Được khuyến khích và bồi dưỡng phát triển tài năng khi có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền

**Câu 12.** Quyền sáng tạo của công dân bao gồm quyền tác giả, .............. và hoạt động khoa học, công nghệ. Cụm từ thích hợp trong chỗ trống là

A. quyền tư hữu B. quyền sở hữu công nghiệp

C. quyền phê bình D. quyền tự do sáng tác

**Câu 13.** Quyền học tập, quyền sáng tạo và quyền phát triển của công dân được quy định trong

A. Hiến pháp B. Luật giáo dục

C. Luật khoa học và công nghệ. D. Tất cả ý trên

**Câu 14.** Học bằng nhiều hình thức khác nhau là

1. quyền học không hạn chế.
2. quyền học bất cứ ngành nghề nào
3. quyền học thường xuyên, học suốt đời
4. quyền được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập

**Câu 15.** Học để có điều kiện trở thành chiến sĩ công an là

1. quyền học không hạn chế.
2. quyền học bất cứ ngành nghề nào
3. quyền học thường xuyên, học suốt đời
4. quyền được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập

**BÀI 9. PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC**

**Câu 1.** Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước được thể hiện:

1. Trong lĩnh vực văn hóa
2. Chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế
3. Chủ yếu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
4. Trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội

**Câu 2.** Trong xu hướng toàn cầu hóa, quốc tế hóa hiện nay và để đảm bảo sự lâu dài, hiệu quả, mỗi quốc gia nên chọn phát triển theo hướng:

A. Năng động B. Sáng tạo C. Bền vững D. Liên tục

**Câu 3.** Những vấn đề cần được ưu tiên giải quyết trong quá trình hướng tới mục tiêu phát triển bền vững là:

1. Kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và quốc phòng an ninh.
2. Kinh tế, văn hóa, dân số, môi trường và quốc phòng an ninh.
3. Kinh tế, việc làm, bình đẳng giới, văn hóa xã hội.
4. Kinh tế, văn hóa, xã hội, bình đẳng giới và quốc phòng an ninh.

**Câu 4.**

**Câu 5.** Pháp luật quy định các mức thuế khác nhau đối với các doanh nghiệp, căn cứ vào:

1. Uy tín của người đứng đầu doanh nghiệp
2. Ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn kinh doanh.
3. Thời gian kinh doanh của doanh nghiệp
4. Khả năng kinh doanh của doanh nghiệp

**Câu 6.** Nhà nước sử dụng các công cụ chủ yếu nào để khuyến khích các hoạt động kinh doanh trong những ngành nghề có lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước:

A. Tỉ giá ngoại tệ B. Thuế

C. Lãi suất ngân hàng D. Tín dụng

**Câu 7.** Việc đưa ra các quy định về thuế, pháp luật đã tác động đến lĩnh vực:

A. Môi trường B. Kinh tế

C. Văn hóa D. Quốc phòng an ninh

**Câu 8.** Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa được xem là

A. Điều kiện B. Cơ sở C. Tiền đề D. Động lực

**Câu 9.**Vai trò của pháp luật trong bảo vệ môi trường là:

1. Ngăn ngừa, hạn chế tác động xấu của con người trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên, thiên nhiên.
2. Xác định trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
3. Điều hòa lợi ích giữa phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi tường sinh thái.
4. Tất cả các phương án trên.

**Câu 10.** Câu có nội dung đúng về bảo vệ môi trường là:

1. Ở những nơi nhiều ao, hồ, sông, suối không cần tiết kiệm nước.
2. Cải tạo hồ nước ngọt thành hồ nước lợ nuôi tôm có giá trị kinh tế nhưng có hại cho môi trường.
3. Lấp vùng đầm lầy rộng lớn để xây dựng khu dân cư mới là làm cho môi trường sạch, đẹp.
4. Dùng nhiều phân hóa học sẽ tốt cho đất.

**Câu 11.** Quyền tự do kinh doanh của công dân có nghĩa là:

1. Mọi công dân đều có quyền thực hiện hoạt động kinh doanh.
2. Công dân có quyền quyết định quy mô và hình thức kinh doanh.
3. Công dân có thể kinh doanh bất kỳ ngành, nghề nào theo sở thích của mình.
4. Tất cả các phương án trên.

**Câu 12.** Luật nghĩa vụ quân sự quy định độ tuổi gọi nhập ngũ trong thời bình là:

1. Từ 17 đến 27 tuổi.
2. Từ 17 tuổi đến 27 tuổi.
3. Từ đủ 18 tuổi đến hết 27 tuổi.
4. Từ đủ 17 tuổi đến hết 25 tuổi.

**Câu 13.** Vai trò của Nhà nước đối với vấn đề phát triển văn hóa là:

1. Bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể.
2. Khuyến khích tạo điều kiện các tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động văn hóa.
3. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, làm giàu kho tàng văn hóa Việt Nam.
4. Tất cả các phương án trên.

**Câu 14.** Pháp luật bảo vệ môi trường quy định:

1. Bảo vệ môi trường phải hài hòa với phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội để phát triển bền vững đất nước.
2. Bảo vệ môi trường phải phù hợp quy luật, đặc điểm lịch sử, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế

- xã hội.

1. Bảo vệ môi trường là việc làm thường xuyên, ngăn ngừa và khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường.
2. Tất cả các phương án trên.

**Câu 15.** Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam là trách nhiệm của

1. công dân nam từ 17 tuổi trở lên.
2. công dân nam từ 18 tuổi trở lên.
3. công dân từ 20 tuổi trở lên.
4. mọi công dân Việt Nam.